

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

“V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Ông La Văn Việt;

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1090/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Huỳnh M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đức D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà M có đề nghị vắng mặt, ông D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, nguyên đơn bà Dương Huỳnh M trình bày: Bà M và ông D cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 11/8/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường gây gổ, cãi nhau. Bà M và ông D đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà M khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Dương Huỳnh M yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Đức D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thiên A, sinh ngày 09/12/2016, hiện con chung đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Đức D vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Huỳnh Đức D theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông D biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà M nhưng ông D không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Đức D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Dương Huỳnh M và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Dương Huỳnh M bận đi làm và ở xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Dương Huỳnh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Đức D, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Bà Dương Huỳnh M bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Huỳnh Đức D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 11/8/2016 nên hôn nhân giữa bà M với ông D là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông D: Bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên hay gây cãi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà M thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt mời ông Huỳnh Đức D, ông D biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà M nhưng ông D không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà M với ông D đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà M yêu cầu xin ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà M trình bày giữa bà M với ông D có 01 con chung tên Huỳnh Thiên A, sinh ngày 09/12/2016, hiện con chung đang sống với Bà M. Khi ly hôn, Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Xét cháu Huỳnh Thiên A, sinh ngày 09/12/2016 còn nhỏ đang sống chung ổn định với bà M. Do đó, HĐXX thấy bà M xin tiếp tục nuôi con chung là phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M trình bày thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Huỳnh Đức D vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà M và ông Huỳnh Đức D có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Dương Huỳnh M phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Huỳnh M đối với ông Huỳnh Đức D.

Bà Dương Huỳnh M được ly hôn với ông Huỳnh Đức D.

2. Về con chung: Bà Dương Huỳnh M được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thiên Ân, sinh ngày 09/12/2016, hiện con chung đang sống với bà M.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Mai không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Huỳnh M trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Dương Huỳnh M phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0006546 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Dương Huỳnh M đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã M (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy